

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ UÔNG BÍ
TRƯỜNG THCS TRUNG VƯƠNG








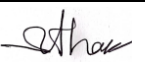



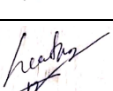

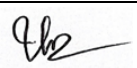
BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ
NĂM HỌC 2023 - 2024

QUẢNG NINH - 2024

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ UÔNG BÍ
TRƯỜNG THCS TRUNG VƯƠNG

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYÊN ĐỔI SỐ
NĂM HỌC 2023 – 2024

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Lê Thị Thúy	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng	
2	Đặng Ánh Tuyết	Phó hiệu trưởng	Phó Chủ tịch Hội đồng	
3	Hà Thu Hiền	TTCM	Ủy viên Hội đồng	
4	Bùi Thị Mai Phương	TTCM	Ủy viên Hội đồng	
5	Nguyễn Thị Hồng Trinh	TPCM	Ủy viên Hội đồng	
6	Trần Thị Thu Hương	TPCM	Ủy viên Hội đồng	
7	Ninh Thị Thanh Hường	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
8	Đặng Thu Huyền	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
9	Nguyễn Thị Hân	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
10	Hoàng Thị Thuần	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
11	Vũ Thị Hải Yến	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
12	Lê Thị Phương	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
13	Bùi Thị Liễu Tâm	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
14	Dương Thuỳ Dung	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
15	Phạm Thị Hằng	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	1
Danh mục các chữ viết tắt	2
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	3
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	4
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	6
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	6
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	12
I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ	12
1. Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong dạy, học	12
Mở đầu	12
Tiêu chí 1.1	13
Tiêu chí 1.2	14
Tiêu chí 1.3	15
Tiêu chí 1.4	16
Tiêu chí 1.5	18
Tiêu chí 1.6	20
Tiêu chí 1.7	21
<i>Kết luận về Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong dạy, học</i>	23
2. Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục	25
Mở đầu	25
Tiêu chí 2.1	26
Tiêu chí 2.2	27
Tiêu chí 2.3	27
Tiêu chí 2.4	28
<i>Kết luận về Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục</i>	30
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	31
Phần IV. PHỤ LỤC	32

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

STT	Từ viết tắt	Từ đầy đủ
1	CTGDPT	Chương trình giáo dục phổ thông
2	GDDT	Giáo dục đào tạo
3	HT, PHT	Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng
4	CBVCNV	Cán bộ viên chức nhân viên
5	HD	Hợp đồng
6	BC	Biên chế
7	CNTT	Công nghệ thông tin
8	CTGDPT	Chương trình giáo dục phổ thông
9	GDDT	Giáo dục đào tạo
10	BDTX	Bồi dưỡng thường xuyên
11	GV	Giáo viên
12	GVCN	Giáo viên chủ nhiệm
13	HS	Học sinh
14	TNLĐ	Tai nạn lao động
15	HSKTHN	Học sinh khuyết tật hoà nhập
16	CBQL	Cán bộ quản lý
17	KHTN	Khoa học tự nhiên
18	KHXH	Khoa học xã hội
19	CĐS	Chuyển đổi số
20	TS	Tổng số
21	TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
22	TĐG	Tự đánh giá
23	TDTT	Thể dục thể thao
24	THCS	Trung học cơ sở
25	THPT	Trung học phổ thông
26	DHTT	Dạy học trực tuyến
27	NV	Nhân viên
28	CSDL	Cơ sở dữ liệu
29	TTCM	Tổ trưởng chuyên môn
30	UBND	Ủy ban nhân dân
31	TBDH	Thiết bị dạy học

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

1.1. Đánh giá tiêu chí

Tiêu chí	Kết quả đạt			
	Mức Đạt	Mức độ 1	Mức độ 2	Mức độ 3
Nhóm tiêu chí 1			x	
Tiêu chí 1.1	x			
Tiêu chí 1.2	x			
Tiêu chí 1.3				x
Tiêu chí 1.4				x
Tiêu chí 1.5			x	
Tiêu chí 1.6				x
Tiêu chí 1.7			x	
Nhóm tiêu chí 2				x
Tiêu chí 2.1	x			
Tiêu chí 2.2		x		
Tiêu chí 2.3				x
Tiêu chí 2.4				x

Kết quả: Đạt mức độ 2

2. Kết luận: Đạt mức độ 2

Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương: QUẢNG NINH

Huyện/quận /thị xã / thành phố: UÔNG BÍ

Xã / phường/thị trấn: TRUNG VƯƠNG

Điện thoại: 02033854812

Fax

Email: c2trungvuong.ub.quangninh@moet.edu.vn

Website: <http://uongbi.quangninh.edu.vn/thcstrungvuong1/home.aspx>

Đạt mức độ chuyển đổi số: **Mức 2**

1. Số học sinh, cán bộ, giáo viên, nhân viên

* Số học sinh

Khối	Số lớp	TS học sinh	Dân tộc	Con TB, LS	HS lưu ban	HS con hộ nghèo	HS con hộ cận nghèo	HS KT HN	Mồ côi	TN LĐ
6	5	219	0	0	0	0	1	2	3	0
7	4	181	0	0	0	0	1	3	5	8
8	3	168	0	0	0	0	0	2	4	2
9	4	176	0	0	0	0	0	1	4	0
Tổng	16	744	0	0	0	0	2	8	16	10

* Số cán bộ, giáo viên, nhân viên

Tổng số	Cán bộ quản lý	Giáo viên	Nhân viên
36	02 (01 HT, 01 PHT)	28 (26 BC, 2 HĐ)	06 (03 BC, 03 HĐ)

Tổng số	Giới tính		Trình độ chuyên môn				Đảng viên	Trình độ lý luận chính trị		
	Nam	Nữ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp		Cao cấp	Trung cấp	Sơ cấp
35	1	34	4	26	4	1	21	0	4	21
Tổ khoa học Tự nhiên			Tổ khoa học Xã hội				Tổ Văn phòng			
15 người (14BC, 1HĐ)			15 người (14BC, 1HĐ)				6 người (3BC, 3HĐ)			

2. Nhân sự thực hiện chuyển đổi số

- 100% CBQL, giáo viên, nhân viên trong nhà trường đạt chuẩn trình độ Tin học ứng dụng.
- Hệ thống hồ sơ sổ sách chuyên môn nhà trường được lập và sử dụng là các hồ sơ điện tử. Có văn bản hướng dẫn lập-sử dụng cụ thể vào đầu các năm học.
- CBQL, giáo viên trong nhà trường thành thạo sử dụng thiết bị trong họp, dạy trực tuyến.
- Có kỹ năng khai thác, sử dụng, tạo học liệu số phục vụ bài dạy.
- Có đủ thiết bị, tài khoản, hệ thống LMS có bản quyền để thực hiện dạy học, kiểm tra trực tuyến. Thực hiện phủ sóng wifi 100% phòng học.
- Tổ chức được các hoạt động tương tác, tài liệu trực tuyến trong quản lí, hoạt động chuyên môn.

3. Cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin

Trường có diện tích khuôn viên 4409 m². Hiện tại trường có 38 phòng học và làm việc, trong đó: có 16 phòng học; 02 phòng thực hành bộ môn KHTN (Sinh học-Hóa học và Vật lí-Công nghệ); 02 phòng KHXH; 01 phòng Mĩ thuật; 01 phòng Âm nhạc; 01 phòng ngoại ngữ (tích hợp trong phòng học); 01 phòng đa năng; 01 thư viện; 01 phòng tin học; 01 phòng TBDH; 01 phòng Đoàn-Đội; 01 phòng họp; 01 phòng bảo vệ; 01 phòng Kế toán; 01 phòng y tế; 01 phòng họp tổ chuyên môn; 02 phòng làm việc của Ban Giám hiệu; 01 phòng tiếp dân và công đoàn, 01 phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật hòa nhập, 01 phòng truyền thống. Các phòng đều được lắp đặt đầy đủ hệ thống quạt điện, đèn chiếu sáng, thiết bị nghe nhìn, internet phục vụ tốt các hoạt động của nhà trường và công tác giảng dạy, học tập cho học sinh và giáo viên.

Phòng ngoại ngữ được trang bị theo chuẩn gồm 01 máy chiếu xa, 01 máy vật thể, 01 loa kéo + micro; loa treo tường, máy photo, máy in, máy ảnh, ampli, micro, loa máy... phục vụ cho các hoạt động chung của nhà trường.

Phòng tin học chưa được trang bị máy tính và chưa có phòng kỹ thuật xây dựng kênh hình dạy học để phục vụ cho bài giảng elearning.

Nhìn chung cơ sở vật chất nhà trường đảm bảo tốt cho công tác dạy và học. Đặc biệt các trang thiết bị cơ sở vật chất đáp ứng cho việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy - học, phục vụ cho các hoạt động giáo dục toàn diện trong nhà trường.

4. Các số liệu khác (nếu có)

Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

1.1. Đội ngũ

Trong năm học 2023-2024, đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường đảm bảo theo yêu cầu, luôn phát huy tốt vai trò trong các hoạt động giáo dục toàn diện của nhà trường: công tác giảng dạy, công tác chủ nhiệm lớp, tổ chức các hoạt động ngoại khóa, điều đó đã làm cho thành tích của nhà trường ngày một dày thêm. Hiện nay, nhà trường có 34 cán bộ, giáo viên và nhân viên. Trong đó có: 2 cán bộ quản lý, 29 giáo viên và 3 nhân viên.

Về trình độ đào tạo của cán bộ, giáo viên: 100% cán bộ giáo viên đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn.

Xếp loại thi đua: 100% cá nhân là lao động tiên tiến, có 9 chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, 3 đồng chí được UBND thành phố tặng giấy khen, 3 đồng chí được bộ, sở tặng giấy khen, 2 đồng chí là chiến sĩ thi đua cấp tỉnh, 2 đồng chí được nhận bằng khen của UBND tỉnh, 4 đồng chí đạt danh hiệu GVCN giỏi cấp thành phố, 4 đồng chí đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh.

Về phẩm chất chính trị: 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường có lập trường tư tưởng vững vàng, kiên định, có phẩm chất đạo đức tốt, có lối sống trong sáng, lành mạnh, luôn gương mẫu thực hiện mọi chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của nhà nước, thực hiện nghiêm túc mọi quy định của ngành, được học sinh và phụ huynh tin yêu.

1.2. Cơ sở vật chất

Trường có diện tích khuôn viên 4409 m². Hiện tại trường có 37 phòng học và làm việc, trong đó: có 16 phòng học; 02 phòng thực hành bộ môn KHTN (Sinh học-Hóa học và Vật lí-Công nghệ); 02 phòng KHXH; 01 phòng Mĩ thuật; 01 phòng Âm nhạc; 01 phòng ngoại ngữ (tích hợp trong phòng học); 01 phòng đa năng; 01 thư viện; 01 phòng tin học; 01 phòng TBDH; 01 phòng Đoàn-Đội; 01 phòng họp; 01 phòng bảo vệ; 01 phòng Kế toán; 01 phòng y tế; 01 phòng họp tổ chuyên môn; 02 phòng làm việc của Ban Giám hiệu; 01 phòng tiếp dân và công đoàn, 01 phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật hòa nhập, 01 phòng truyền thống. Các phòng đều được lắp đặt đầy đủ hệ thống quạt điện, đèn, thiết bị nghe nhìn, internet. Các phòng học còn được trang bị thêm hệ thống điều hòa, camera, tivi phục vụ nhu cầu người học. Phòng ngoại ngữ được trang bị

theo chuẩn gồm 01 máy chiếu xa, 01 máy vật thể, 01 loa kéo + micro; loa treo tường, máy photo, máy in, máy ảnh, ampli, micro, loa máy... phục vụ cho các hoạt động chung của nhà trường.

Nhìn chung cơ sở vật chất nhà trường đảm bảo tương đối tốt cho công tác dạy và học. Đặc biệt các trang thiết bị cơ sở vật chất cơ bản đáp ứng cho việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong dạy - học, phục vụ cho các hoạt động giáo dục toàn diện trong nhà trường.

1.3. Môi trường giáo dục

1.3.1. Địa phương

Trường THCS Trung Vương thuộc tổ 30, khu 5 phường Trung Vương, thành phố Uông Bí, luôn được lãnh đạo địa phương, phụ huynh học sinh quan tâm đến công tác giáo dục, phong trào thi đua của nhà trường.

1.3.2. Nhà trường

Trường THCS Trung Vương mặc dù có khuôn viên hẹp nhưng cảnh quan, môi trường luôn đảm bảo xanh - sạch - đẹp - thân thiện, có môi trường sư phạm tốt: đội ngũ đoàn kết nhất trí, ý thức trách nhiệm cao, có tay nghề đồng đều, vững vàng. Nhà trường xác định hướng đi trọng tâm là phát huy yếu tố nội lực là động lực thúc đẩy, phát triển, xây dựng nền nếp giáo dục toàn diện. Từ nhiều năm nay đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường đã phấn đấu, nỗ lực nâng cao trình độ về mọi mặt nhằm phù hợp với yêu cầu giáo dục trong giai đoạn mới. Đến nay, đội ngũ giáo viên của trường đã đủ điều kiện tiếp cận những đổi mới của ngành.

Trong những năm qua, nhà trường luôn giữ vững và ổn định chất lượng đội ngũ, chất lượng giáo dục toàn diện.

Các lực lượng giáo dục phối kết hợp tốt, tạo điều kiện hỗ trợ cho nhà trường hoàn thành nhiệm vụ năm học. Đặc biệt là sự phối kết hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh của nhà trường.

1.4. Học sinh

Năm học 2023-2024, tổng số HS toàn trường là 738 em . Các em có nhận thức đúng đắn về nhiệm vụ của người học sinh, có ý thức trong các hoạt động giáo dục toàn diện và lực học tương đối đồng đều. Và được rèn luyện những kỹ năng sống, kỹ năng công nghệ thông tin cơ bản đáp ứng nhu cầu cuộc sống hiện nay.

1.5. Một số nét các hoạt động giáo dục của nhà trường

1.5.1. Thực hiện các cuộc vận động và các phong trào thi đua một cách có hiệu quả như: cuộc vận động *"Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh"*; cuộc vận động *"Mỗi thầy cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo"* và phong trào thi đua *"Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực"*.

1.5.2. Thực hiện việc tập trung chỉ đạo nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động giáo dục.

1.5.2.1. Tập trung chỉ đạo quyết liệt và thực hiện triệt để đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá, dạy học phân hoá trên cơ sở chuẩn kiến thức, kỹ năng của Chương trình giáo dục phổ thông; tạo ra sự chuyển biến cơ bản về đổi mới kiểm tra đánh giá, thúc đẩy đổi mới phương pháp dạy học, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

1.5.2.2. Tổ chức đánh giá kết quả triển khai thực hiện chủ trương *"Mỗi giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục thực hiện một đổi mới trong phương pháp dạy học và quản lý. Mỗi trường có một kế hoạch cụ thể về đổi mới phương pháp dạy học"*; thực hiện phương pháp dạy học tiên tiến, tăng cường đưa trang thiết bị dạy học hiện đại vào thực hiện đổi mới phương pháp dạy học theo hướng dạy học tích cực, đổi mới kiểm tra đánh giá tích cực và hiệu quả.

1.5.2.3. Tiếp tục tăng cường kỷ cương, nền nếp trong quản lý dạy học, kiểm tra đánh giá. Tăng cường vai trò của nhà trường trong việc quản lý việc thực hiện chương trình giáo dục, chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá.

Tổ chức tốt phong trào thể dục thể thao - văn nghệ có hiệu quả, tham gia các giải bóng đá cấp thành phố, cấp tỉnh; giải điền kinh, TDTT các cấp đạt giải cao, là đơn vị đảm nhận hầu hết các chương trình văn nghệ do Phòng GDĐT, thành phố Uông Bí và các ban ngành tổ chức.

Công tác xã hội hóa giáo dục: làm tốt công tác xã hội hoá giáo dục, được các cấp ban ngành đoàn thể đóng trên địa bàn quan tâm.

Công tác tài chính: thực hiện nghiêm túc công tác tài chính công khai minh bạch trong nhà trường.

2. Mục đích tự đánh giá

Chuyển đổi số trong giáo dục là một xu hướng tất yếu và cần thiết trong thời đại công nghệ số hiện nay. Việc triển khai hiệu quả quá trình chuyển đổi số sẽ góp

phần nâng cao chất lượng giáo dục, đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập, tạo môi trường học tập hiện đại, hiệu quả và đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của học sinh. Mục đích chính của quá trình chuyển đổi số trong trường học bao gồm:

- Nâng cao chất lượng giáo dục: Chuyển đổi số giúp giáo viên có thể sử dụng các công nghệ tiên tiến để giảng dạy một cách hiệu quả hơn, giúp học sinh tiếp thu kiến thức dễ dàng hơn. Các công nghệ như bảng tương tác, phần mềm giáo dục, học trực tuyến,... giúp tạo ra môi trường học tập sinh động, hấp dẫn, giúp học sinh học tập chủ động và tích cực hơn.
- Đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập: Chuyển đổi số thúc đẩy đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập theo hướng hiện đại, lấy học sinh làm trung tâm. Giáo viên có thể sử dụng các phương pháp giảng dạy đa dạng như học tập dự án, học tập theo nhóm, học tập cá nhân hóa,... để đáp ứng nhu cầu và khả năng của từng học sinh.
- Tạo môi trường học tập hiện đại, hiệu quả: Chuyển đổi số giúp tạo ra môi trường học tập hiện đại, hiệu quả với các cơ sở vật chất, trang thiết bị tiên tiến. Học sinh có thể dễ dàng tiếp cận thông tin, tài liệu học tập và tương tác với giáo viên, bạn bè thông qua các nền tảng giáo dục trực tuyến.
- Đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời: Chuyển đổi số giúp học sinh có thể học tập mọi lúc, mọi nơi và suốt đời. Các nguồn tài nguyên giáo dục trực tuyến cho phép học sinh tiếp tục học tập sau khi rời khỏi trường học và cập nhật kiến thức mới một cách nhanh chóng.

Thực hiện sự chỉ đạo của Sở GDĐT Quảng Ninh, Phòng GDĐT thành phố Uông Bí; căn cứ vào các văn bản chỉ đạo của Bộ GDĐT, Sở GDĐT Quảng Ninh, trường THCS Trung Vương đã tiến hành tự đánh giá một cách có hệ thống và khách quan mức độ hiệu quả của quá trình chuyển đổi số trong nhà trường quá trình chuyển đổi số của nhà trường với mục đích:

- Việc tự đánh giá quá trình chuyển đổi số giúp nhà trường xác định được mức độ hiệu quả của quá trình này trong việc đạt được các mục tiêu giáo dục đề ra, từ đó xác định được những điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức trong quá trình chuyển đổi số. Nhờ vậy, nhà trường có thể lập kế hoạch, đề ra các giải pháp phù hợp để nâng cao hiệu quả của quá trình chuyển đổi số trong giai đoạn kế tiếp.
- Việc tự đánh giá giúp nâng cao nhận thức của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh về tầm quan trọng của chuyển đổi số và khuyến khích họ tham gia tích cực vào quá trình chuyển đổi số. Chuyển đổi số còn giúp cải thiện chất lượng giáo dục

thông qua việc áp dụng các công nghệ số hiệu quả vào các hoạt động giảng dạy, học tập và quản lý nhà trường.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động TĐG

Trong quá trình tự đánh giá, nhà trường đã thực hiện đảm bảo quy trình phương pháp và công cụ tự đánh giá của trường trung học.

** Về quy trình tự đánh giá:*

1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá.
2. Lập kế hoạch tự đánh giá.
3. Thu thập, xử lý và phân tích các thông tin, minh chứng.
4. Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí.
5. Viết báo cáo tự đánh giá.
6. Công bố báo cáo tự đánh giá và kết quả tự đánh giá.
7. Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá.

** Về phương pháp tự đánh giá:*

- Phương pháp nghiên cứu lý luận: nghiên cứu các chỉ thị, quyết định của Bộ, Sở GDĐT về công tác tự đánh giá quá trình chuyển đổi số.
- Phương pháp giảng giải, thuyết trình: giảng giải, thuyết trình các nội dung trong quá trình tự đánh giá.
- Phương pháp điều tra, khảo sát, điều tra, phỏng vấn những người có liên quan.
- Phương pháp thảo luận: trao đổi, bàn bạc các nội dung tự đánh giá.
- Phương pháp thống kê toán học: thống kê các số liệu về các nội dung phục vụ cho công tác tự đánh giá.
- Phương pháp phân tích: tiến hành xử lý các thông tin, minh chứng xác định nguồn gốc, tính chính xác của các thông tin minh chứng.
- Phương pháp tự luận: viết báo cáo tự đánh giá.

** Về công cụ đánh giá:*

- Căn cứ Quyết định số 131/QĐ-TTG ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030;

- Căn cứ Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên; Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/3/2021 của Bộ GDĐT quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên;
- Kế hoạch số 276/KH-UBND ngày 10/11/2023 của UBND tỉnh về tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và thúc đẩy chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030; Công văn số 3571/SGDĐT-VP ngày 08/12/2023 về việc hướng dẫn triển khai đánh giá mức độ chuyển đổi số của các cơ sở giáo dục theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT;
- Căn cứ công văn số 873/SGDĐT-VP ngày 21/03/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về việc hướng dẫn xác định nội hàm, gợi ý minh chứng theo bộ chỉ số đánh giá, tự đánh giá và đánh giá ngoài, công nhận mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;
- Căn cứ Kế hoạch số 613/KH-PGDĐT ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Phòng giáo dục và đào tạo về Chuyển đổi số trong giáo dục năm học 2023;
- Căn cứ công văn số 523/PGDĐT ngày 02 tháng 5 năm 2024 của Phòng giáo dục và đào tạo về việc triển khai đánh giá mức độ chuyển đổi số của các cơ sở giáo dục theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT.
- Danh sách mô tả các nội hàm và gợi ý tìm minh chứng theo tiêu chuẩn đánh giá.

** Những vấn đề nổi bật trong hoạt động TĐG:*

Thực hiện quá trình tự đánh giá, nhà trường đã hoàn thành việc so sánh đối chiếu những kết quả đã đạt được của nhà trường với những yêu cầu trong bộ tiêu chuẩn đánh giá quá trình chuyển đổi số. Toàn bộ đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường đã hoàn thành bản báo cáo tự đánh giá.

Thông qua quá trình tự đánh giá, đối chiếu với các tiêu chuẩn đề ra, những mặt mạnh nổi bật và những mặt còn hạn chế của nhà trường đã bộc lộ một cách rõ ràng. Từ đó, nhà trường đã xây dựng được biện pháp cải tiến chất lượng cho từng nội dung hoạt động trong giai đoạn tiếp theo.

Những mặt mạnh nổi bật:

Trường THCS Trung Vương có đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên năng động, sáng tạo, nhiệt tình với công việc, tâm huyết với nghề nghiệp, chuyên môn tay nghề vững vàng, có năng lực sử dụng công nghệ hiệu quả vào giảng dạy, học

tập và quản lý nhà trường. Điều này giúp nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ vào giáo dục, góp phần tạo nên chất lượng giáo dục vững mạnh của nhà trường trong những năm qua.

Nhà trường xây dựng được nguồn tài nguyên giáo dục số phong phú, đa dạng: Bao gồm sách giáo khoa điện tử, video bài giảng, bài tập trắc nghiệm,... được biên soạn theo chuẩn kiến thức, kỹ năng. Nguồn tài nguyên giáo dục số phong phú, đa dạng giúp học sinh tiếp cận kiến thức một cách hiệu quả, mọi lúc, mọi nơi.

Nhà trường cũng luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo, động viên tinh thần và tạo điều kiện về cơ sở vật chất của các cấp chính quyền, các ban ngành đoàn thể, địa phương, của cha mẹ học sinh... Chính vì vậy, nhà trường đã xây dựng được một hệ thống trường, lớp, thoáng mát khang trang với cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học tương đối đầy đủ. Bên cạnh đó, phụ huynh học sinh cần phối hợp với nhà trường trong việc giáo dục học sinh sử dụng công nghệ một cách hiệu quả và an toàn. Do đó, việc thực hiện phong trào thi đua trong nhà trường ngày càng được đẩy mạnh, chất lượng dạy và học ngày càng được nâng cao.

Để thực hiện CDS hiệu quả, có sự lãnh đạo quyết liệt của ban giám hiệu nhà trường, sự đồng thuận của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh, cũng như sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường với các cấp quản lý giáo dục, các tổ chức xã hội và cộng đồng. Việc thực hiện CDS trong nhà trường là một quá trình lâu dài, đòi hỏi sự nỗ lực của toàn xã hội. Tuy nhiên, với sự hội tụ của các điều kiện thuận lợi, chúng tôi tin tưởng rằng CDS sẽ góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập, tạo môi trường học tập hiện đại, hiệu quả và đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của người học.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ

1. Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong dạy, học

Mở đầu:

Chuyển đổi số trong giáo dục mở ra nhiều cơ hội trong việc cải thiện và phát triển giáo dục, đáp ứng nhu cầu học tập của người dân trong thời đại công nghệ 4.0. tạo nên cơ hội nổi bật:

Tăng cường cơ sở hạ tầng kỹ thuật: Sự phát triển của công nghệ thông tin và internet tạo điều kiện thuận lợi cho việc mở rộng giáo dục trực tuyến. Việc đầu tư vào cơ sở hạ tầng kỹ thuật, bao gồm mạng internet nhanh và ổn định, sẽ giúp thúc đẩy giáo dục số.

Mở rộng tiếp cận công nghệ: Đảm bảo rằng học sinh, giáo viên và nhà trường có

khả năng sử dụng công nghệ là một cơ hội lớn. Điều này giúp tất cả các bên liên quan tận dụng các công cụ và ứng dụng kỹ thuật số để nâng cao chất lượng giáo dục.

Phát triển nội dung số hóa: Chuyển đổi số trong giáo dục cần có nội dung số hóa phù hợp với nhu cầu giảng dạy và học tập hiện đại. Việc tạo ra và chia sẻ nội dung giáo dục số đa dạng và chất lượng là một cơ hội quan trọng để nâng cao hiệu quả giảng dạy và học tập.

Sự phát triển của hệ thống học trực tuyến: Các nền tảng học trực tuyến và khóa học trực tuyến mở (MOOCs) cung cấp cơ hội cho mọi người tiếp cận giáo dục một cách linh hoạt và phù hợp với nhu cầu cá nhân, không phân biệt giới tính, địa lý hay tình trạng kinh tế.

Hỗ trợ và đầu tư từ chính phủ và các tổ chức: Chính phủ và các tổ chức đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy chuyển đổi số giáo dục. Hỗ trợ tài chính, đầu tư vào đề án nghiên cứu và phát triển công nghệ giáo dục, cũng như xây dựng các chính sách phù hợp giúp tạo ra môi trường thuận lợi cho chuyển đổi số trong giáo dục.

Tích hợp công nghệ vào quy trình giảng dạy: Công nghệ giúp nâng cao phương pháp giảng dạy, tạo ra môi trường học tập tương tác và hấp dẫn hơn. Các công cụ như bảng trắng thông minh, phần mềm giáo dục và ứng dụng di động có thể giúp tăng cường sự tương tác giữa giáo viên và học sinh, đồng thời thúc đẩy sự sáng tạo và kỹ năng tư duy.

Phát triển kỹ năng số cho giáo viên và học sinh: Để thành công trong chuyển đổi số giáo dục, cần đảm bảo rằng cả giáo viên và học sinh đều có kỹ năng cần thiết để sử dụng công nghệ. Đào tạo, tập huấn về chuyển đổi số trong giáo dục và hỗ trợ liên tục giúp thầy cô và học sinh làm quen và phát triển kỹ năng số của họ.

Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong giáo dục: Trí tuệ nhân tạo đang mở ra nhiều cơ hội mới trong lĩnh vực giáo dục, bao gồm hệ thống học tập cá nhân hóa, phân tích dữ liệu học tập và hỗ trợ giáo viên trong việc giảng dạy. Việc tận dụng AI trong giáo dục giúp nâng cao hiệu quả học tập và đáp ứng nhu cầu đa dạng của học sinh.

Hợp tác giữa các bên liên quan: Sự hợp tác giữa các nhà trường, doanh nghiệp, tổ chức là rất quan trọng để đạt được chuyển đổi số thành công trong giáo dục. Mỗi quan hệ hợp tác giữa các bên liên quan giúp tận dụng tài nguyên, chia sẻ kinh nghiệm và đưa ra các giải pháp phù hợp với từng đối tượng.

Thúc đẩy nghiên cứu và đổi mới trong giáo dục: Nghiên cứu và đổi mới trong giáo dục là cơ hội để phát triển các công cụ, phương pháp giảng dạy mới và nâng cao chất lượng giáo dục. Việc khuyến khích và hỗ trợ nghiên cứu tiểu luận, cũng như chấp nhận sự thay đổi và đổi mới, sẽ giúp tạo ra một môi trường giáo dục tiên tiến hơn.

Hướng tới hoàn thiện nội dung cần thiết cho chuyển đổi số trong trường học, cần Hoàn thiện quy trình dạy học online; Khai thác cơ sở dữ liệu nhà trường đã được số hoá phục vụ hoạt động truyền thông, lưu trữ. Khai thác hiệu quả hệ thống

thiết bị phòng học thông minh được trang bị, phần mềm dạy học và các phương pháp tổ chức dạy học tích cực đáp ứng cho hình thức trực tiếp; trực tuyến cho phù hợp. Tăng cường khai thác UDCNTT trong kiểm tra đánh giá, tương tác giữa thầy-trò; nhà trường-gia đình. Nâng cao năng lực CBQL, GV, NV trong khai thác phần mềm, UDCNTT trong các hoạt động chuyên môn, tổ chức HĐGD.

Tiêu chí 1.1 Có ban hành kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến

Có ban hành kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến (kết hợp với dạy học trực tiếp; ban hành riêng hoặc lồng ghép trong kế hoạch tổ chức dạy học hằng năm). Tiêu chí bắt buộc có.

1. Mô tả hiện trạng

Căn cứ các văn bản hướng dẫn của Bộ-Sở-Phòng GDĐT, trường đã xây dựng Kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến, trong đó có các giải pháp thể hiện rõ trong các xây dựng kế hoạch dạy học - phụ lục 1 theo công văn số 5512/BGDĐT ngày 18/12/2020 và thực hiện đáp ứng nội dung tổ chức dạy học trực tuyến, dạy học trực tiếp kết hợp dạy học trực tuyến [H1-1.1-01], [H1-1.1- 02]. Trường xây dựng được Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ Ứng dụng công nghệ thông tin, kế hoạch chuyển đổi số năm học 2023-2024 và tầm nhìn đến năm 2027 [H1-1.1-03]. Nội dung kế hoạch dạy học trực tuyến đảm các nội dung của Điều 15, Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT.

2. Điểm mạnh

Năm học 2023 – 2024, nhà trường đã xây dựng kế hoạch dạy học trực tuyến (kết hợp với dạy học trực tiếp) lồng ghép trong kế hoạch giáo dục nhà trường, có gắn liền với kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, kế hoạch chuyển đổi số.

Các kế hoạch đã xây dựng các chỉ tiêu cụ thể và giải pháp phù hợp cho giáo viên, nhân viên thực hiện và đánh giá hiệu quả.

3. Điểm yếu

Các kế hoạch chưa cho thấy hiệu quả trong việc phân công nhiệm vụ và chưa có tiêu chí rõ ràng.

4. Kế hoạch cải tiến

CBQL trường cần có phân tích đánh giá chính xác hiện trạng, điều kiện thực hiện triển khai chuyển đổi số trong dạy học để xác định chỉ tiêu, mục tiêu phù hợp hơn.

Tăng cường hoạt động giám sát, kiểm tra và rút kinh nghiệm nhằm nâng cao năng lực thực hiện sử dụng đồ dùng thiết bị công nghệ cho đội ngũ CBQL-GV-NV.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 1.2: Có ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến

Có ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến.

1. Mô tả hiện trạng

Trường điều chỉnh, ban hành quy chế dạy học trực tuyến (kết hợp dạy học trực tiếp) của năm học làm căn cứ cho các tổ chuyên môn xây dựng Phụ lục 1, 2, 3, 4 theo công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 13/8/2020. Từ đó giúp giáo viên có sự chuẩn bị phù hợp cho hoạt động xây dựng nguồn học liệu số của bản thân trong quá trình dạy học. Quy chế dạy học trực tuyến thể hiện rõ các nội dung về: Phạm vi, đối tượng áp dụng; Nguyên tắc tổ chức dạy học trực tuyến; Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến; Nhiệm vụ và quyền của nhà trường, giáo viên, học sinh trong dạy học trực tuyến; Hình thức tổ chức lớp học trực tuyến; Chế độ làm việc đối với giáo viên dạy học trực tuyến; Quy định về quản lý, lưu trữ dữ liệu trong dạy học trực tuyến. **[H2 - 1.2 - 01]**

2. Điểm mạnh

Quy chế dạy học trực tuyến rõ ràng, khoa học giúp giáo viên dễ dàng xây dựng, thực hiện kế hoạch giáo dục các môn học.

Quy chế dạy học trực tuyến giúp giáo viên thực hiện đúng theo yêu cầu, hướng dẫn của cấp trên.

3. Điểm yếu

Quy chế dạy học trực tuyến còn chưa cụ thể cách thức đánh giá kết quả học tập của học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến

Tăng cường bám sát các hướng dẫn tại Thông tư 09 và các thay đổi về điều kiện công nghệ của trường, môi trường giáo dục điều chỉnh các nội dung quy chế dạy học trực tuyến để có giải pháp đánh giá học sinh qua hoạt động học tập trực tuyến.

Bồi dưỡng giáo viên để sử dụng thành thạo các phần mềm thông dụng.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 1.3. Triển khai phần mềm dạy học trực tuyến

1. Mô tả hiện trạng

Mức độ 1:

- Có triển khai Phần mềm dạy học trực tuyến, trực tiếp: Qua ứng dụng Google Meet, Zoom.us, Google Form **[H3 - 1.3 - 01]**
- Cung cấp thông tin hệ thống LMS/LCMS: Olm.com, Padlet.com, Quizizz, Azota **[H3 - 1.3 - 02]**
- Có triển khai hệ thống, chưa áp dụng cho toàn trường, các chức năng không đầy đủ hoặc ít khai thác. Dữ liệu sử dụng ít.

Mức độ 2:

- Có triển khai Phần mềm dạy học trực tuyến, trực tiếp: Qua ứng dụng Google Meet, Zoom.us, Google Form **[H3 - 1.3 - 01]**
- Cung cấp thông tin hệ thống LMS/LCMS: Olm.com, Padlet.com, Quizizz, Azota **[H3 - 1.3 - 02]**
- Có triển khai hệ thống, áp dụng cho toàn trường, các chức năng đầy đủ.
- Dữ liệu sử dụng ở mức trung bình.

Mức độ 3:

- Có triển khai Phần mềm dạy học trực tuyến, trực tiếp: Qua ứng dụng Google Meet, Zoom.us, Google Form **[H3 - 1.3 - 01]**
- Cung cấp thông tin hệ thống LMS/LCMS: Olm.com, Padlet.com, Quizizz, Azota **[H3 - 1.3 - 02]**
- Có triển khai hệ thống, đã áp dụng cho toàn trường.
- Hầu hết các ứng dụng, phần mềm của nhà trường đều đã hoàn thiện.

2. Điểm mạnh

- Các ứng dụng, phần mềm trong nhà trường đều ban hành các văn bản hướng dẫn để phụ huynh học sinh, học sinh nắm bắt được cách sử dụng.
- Nhà trường có ban truyền thông chuyên phụ trách các trang web, ứng dụng của nhà trường kịp thời hướng dẫn, giải đáp các thắc mắc cho gia đình học sinh.
- Đội ngũ giáo viên, nhân viên của nhà trường luôn nhiệt tình, tận tâm.

3. Điểm yếu

DHTT chủ yếu là giao bài tập, kiểm tra trên các phần mềm, chưa đa dạng hình thức DHTT.

4. Kế hoạch cải tiến

- Nhà trường nghiên cứu các phần mềm ứng dụng quản lý học tập trực tuyến (LMS) phù hợp để triển khai.
- Bồi dưỡng cho cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường sử dụng thành thạo các phần mềm, ứng dụng để đa dạng hóa các hình thức DHTT.

5. Tự đánh giá: Đạt mức độ 3

Tiêu chí 1.4: Số lượng học liệu được số hóa

+ *Mức độ 1: Dưới 4 điểm. Số lượng học liệu được số hóa đã được tổ chuyên môn thông qua và được người đứng đầu cơ sở giáo dục phê duyệt theo quy định tại Điều 7, Thông tư 09 có ít hơn 20 học liệu: tối đa 3 điểm*

+ *Mức độ 2: từ 4 - 6 điểm. Số lượng học liệu được số hóa đã được tổ chuyên môn thông qua và được người đứng đầu cơ sở giáo dục phê duyệt theo quy định tại Điều 7, Thông tư 09 có ít hơn 40 học liệu: tối đa 6 điểm.*

+ *Mức độ 3: trên 7 điểm. Số lượng học liệu được số hóa đã được tổ chuyên môn thông qua và được người đứng đầu cơ sở giáo dục phê duyệt theo quy định tại Điều 7, Thông tư 09 có ít hơn 20 học liệu nhiều hơn 40 học liệu: tối đa 10 điểm.*

1. Mô tả hiện trạng

Thực hiện kế hoạch số 613/KH-PGDĐT ngày 08/5/2023 của Phòng giáo dục về Chuyển đổi số ngành giáo dục năm 2023, nhà trường đã tiến hành xây dựng nguồn học liệu số phục vụ việc dạy học trực tuyến. Học liệu dạy học trực tuyến được xây dựng theo chương trình giáo dục phổ thông, bao gồm: bài giảng đa phương tiện được sử dụng trên nguồn học liệu mở do Sở GDĐT cung cấp; hướng dẫn thí nghiệm, thực hành; phần mềm mô phỏng; hệ thống câu hỏi, bài tập luyện tập và kiểm tra, đánh giá; tài liệu tham khảo, bổ trợ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo **[H4-1.4-03]**.

Học liệu dạy học trực tuyến sử dụng được tổ chuyên môn thẩm định đảm bảo các tiêu chí phù hợp với tính sư phạm và kiến thức bài học, chủ đề học tập và hoạt động dạy học của giáo viên và học sinh; bảo đảm tính khoa học, sư phạm và phù hợp với truyền thống lịch sử, văn hoá, đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc. Mỗi năm nhà trường thực hiện thẩm định và phê duyệt các học liệu vào đầu năm học theo quy định tại Điều 7, Thông tư 09 **[H4-1.4-01]; [H4-1.4-02]; [H4-1.4-04]**

2. Điểm mạnh

Nhà trường chú trọng bồi dưỡng đội ngũ (cán bộ quản lí, giáo viên, nhân viên, học sinh) có kiến thức, kĩ năng đáp ứng yêu cầu chuyên đổi số. Trước hết là kĩ năng sử dụng CNTT, kĩ năng an toàn thông tin, kĩ năng khai thác, sử dụng hiệu quả các ứng dụng phục vụ công việc dạy - học hàng ngày.

Các tổ chuyên môn chỉ đạo các nhóm chuyên môn thực hiện đúng các văn bản hướng dẫn của cấp trên về việc tìm nguồn học liệu đảm bảo tính phù hợp với nội dung bài học, chủ đề học tập và hoạt động dạy học của giáo viên và học sinh; bảo đảm tính khoa học, sư phạm và phù hợp với truyền thống lịch sử, văn hoá, đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc.

Các học liệu dạy học trực tuyến sử dụng trong nhà trường đã được tổ chuyên môn thông qua và được hiệu trưởng phê duyệt và có bộ tiêu chí thẩm định rõ ràng.

Cơ sở vật chất nhà trường được đầu tư tương đối tốt, các lớp đều có màn hình tivi, đã có hệ thống mạng Internet để ứng dụng CNTT vào dạy học và sử dụng nguồn học liệu số có trong nhà trường.

3. Điểm yếu

Việc tìm học liệu số có giá trị ở các tổ chuyên môn chưa nhiều, chưa dành nhiều thời gian cho việc xây dựng hệ thống học liệu số trong nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến

Trong thời gian tới, nhà trường tiếp tục chỉ đạo các tổ chuyên môn tìm xây dựng nguồn học liệu số phong phú, đa dạng và đảm bảo chất lượng. Nâng cao năng lực và có phương án thẩm định kịp thời giá trị học liệu giáo viên sử dụng trong dạy học để phát huy học liệu giá trị cũng như chặn kịp thời học liệu không đạt yêu cầu, gây phản tác dụng sư phạm, tính mỹ thuật.

5. Tự đánh giá: Đạt mức độ 3

Tiêu chí 1.5: Tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính; có phần mềm, máy tính kết nối mạng LAN

- Phòng máy tính nhà trường có sử dụng mạng LAN netopschool bản free phục vụ cho việc giám sát, điều khiển các máy tính học sinh bằng máy tính của GV [H5 - 1.5 - 01].

- Trường hiện nay mới tổ chức cho học sinh tham gia các nội dung thi trực tuyến trên internet (olympic tiếng Anh; olympic toán; các cuộc thi và tìm hiểu khác).

1.2. Phần mềm tổ chức thi trên máy tính có kết nối, trao đổi kết quả với hệ thống quản trị nhà trường

- Nhà trường thực hiện kế hoạch số 63/KH-TV ngày 20/9/2023 thực hiện nhiệm vụ năm học 2023-2024 về chuyển đổi số, đổi mới kiểm tra, đánh giá nhằm phát triển năng lực học sinh thông qua ứng dụng công nghệ thông tin vào kiểm tra, đánh giá bằng phần mềm. [H5 - 1.5 - 01].

- Nhà trường và các tổ chuyên môn đã xây dựng kế hoạch cụ thể, triển khai sử dụng phần mềm vào kiểm tra đánh giá học sinh [H5 - 1.5 - 02].

- Tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính còn chưa rộng, chủ yếu các em làm trên hệ thống trực tuyến OLM.VN. [H5 - 1.5 - 02].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường trang bị 03 hệ thống Internet triển khai đến tất cả các phòng học và toàn bộ trong khu vực nhà trường quản lý, phục vụ tốt cho công tác quản lý, kiểm tra đánh giá.

- Giáo viên từng bộ môn của nhà trường đã hoàn thành tốt nhiệm vụ xây dựng hệ thống ngân hàng câu hỏi và biên soạn thành các mã đề được tổ bộ môn và ban giám hiệu thông qua. Giao các bài kiểm tra thông qua hệ thống OLM.VN để kiểm tra đánh giá học sinh.

- Đa số các đồng chí cán bộ, giáo viên có trình độ chuyên môn tốt, đội ngũ giáo viên môn tin học nhiều. Trong đó: 01 đồng chí có trình độ Đại học Tin; 01 đồng chí có trình độ Cao đẳng Toán – Tin.

- Được sự hợp tác, hỗ trợ của hội cha mẹ học sinh, giáo viên nên học sinh có máy tính để sử dụng trong quá trình học tập và kiểm tra đánh giá.

3. Điểm yếu

- Phòng học tin học hiện không có máy tính được trang cấp phải có sự hỗ trợ từ giáo viên và phụ huynh. Một số trang thiết bị đã cũ bắt đầu xuống cấp, lỗi thời và không đồng bộ nên việc quản lý phòng bộ môn gặp nhiều khó khăn.

- Mỗi lớp tham gia kiểm tra, đánh giá gồm 40 - 57 học sinh, số lượng học sinh nhiều mà số lượng máy tính chưa đủ nên việc tổ chức kiểm tra đánh giá còn gặp nhiều khó khăn.

4. Kế hoạch cải tiến

- Nhà trường ưu tiên dành các nguồn lực để đầu tư cho cơ sở vật chất, cải tạo, bổ sung trang thiết bị phòng học tin học đảm bảo trang bị đủ máy tính cho giáo viên, học sinh phục vụ công tác giảng dạy, kiểm tra đánh giá.
- Triển khai tập huấn kỹ năng sử dụng các phần mềm, ứng dụng phục vụ tổ chức thi, kiểm tra đánh giá trên máy tính. Huy động sự tham gia của các tổ chuyên môn trong công tác chỉ đạo các thành viên thực hiện theo kế hoạch của nhà trường
- Bộ phận phụ trách CNTT hàng tháng, quý, học kỳ, năm học rà soát và có kế hoạch đề nghị mua sắm bổ sung trang thiết bị đáp ứng yêu cầu triển khai ứng dụng CNTT, CDS trong dạy, học, kiểm tra đánh giá và quản lý giáo dục;

5. Tự đánh giá: Mức độ 2

Tiêu chí 1.6: Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số (Tối đa 20 điểm)

- Tỷ lệ giáo viên có tài khoản sử dụng trên Hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến để tự bồi dưỡng qua mạng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu. Tối đa 7 điểm. Chi tiết, tỷ lệ giáo viên có tài khoản trực tuyến: <30%: tối đa 2 điểm; 30%-60%: tối đa 4 điểm; >60%: tối đa 7 điểm

- Tỷ lệ giáo viên có thể khai thác sử dụng được các phần mềm, công cụ nhằm đổi mới phương pháp dạy học. Tối đa 7 điểm. Chi tiết, tỷ lệ giáo viên có thể khai thác sử dụng được các phần mềm, công cụ nhằm đổi mới phương pháp dạy học: <30%: tối đa 2 điểm; 30%-60%: tối đa 4 điểm; >60%: tối đa 7 điểm.

- Tỷ lệ giáo viên có thể xây dựng được học liệu số, bài giảng điện tử. Tối đa 6 điểm. Chi tiết, tỷ lệ giáo viên đã xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử: <30%: tối đa 2 điểm; 30%-60%: tối đa 4 điểm; >60%: tối đa 6 điểm.

1. Mô tả hiện trạng

100% giáo viên được cấp và sử dụng tài khoản trên Hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến <https://temis.csdl.edu.vn/temis> của Học viện quản lý giáo dục để tham gia bồi dưỡng chương trình GDPT 2028. **[H6 - 1.6 - 01]**.

Giáo viên sử dụng tài khoản trên Hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến <https://temis.csdl.edu.vn/temis> của Học viện quản lý giáo dục để tham gia bồi dưỡng chương trình GDPT 2018 đạt kết quả tốt. **[H6 - 1.6 - 02]**.

100% giáo viên thực hiện trình chiếu trong các bài dạy, đa số giáo viên có thể khai thác sử dụng được các phần mềm, công cụ, đồ dùng dạy học nhằm đổi mới phương pháp dạy học. [H6 - 1.6 - 03].

Giáo viên xây dựng bài giảng có khai thác, sử dụng học liệu số từ nguồn được thẩm định của tổ chuyên môn. Giáo viên có thể xây dựng được học liệu số, bài giảng điện tử. [H6 - 1.6 - 04].

2. Điểm mạnh

Giáo viên có tài khoản và khai thác hiệu quả hoạt động bồi dưỡng trực tuyến. Đa số giáo viên có thu thập, sử dụng học liệu số trong các bài học và trình chiếu trong các bài dạy. Đa số giáo viên thể khai thác sử dụng được các phần mềm, công cụ, đồ dùng dạy học nhằm đổi mới phương pháp dạy học

3. Điểm yếu

Chất lượng sản phẩm học liệu số trong bài dạy chưa cao, chưa phong phú.

4. Kế hoạch cải tiến

Xây dựng các chuyên đề cho giáo viên khai thác các tài khoản học tập bồi dưỡng trực tuyến.

Bồi dưỡng chuyên môn, xây dựng tiêu chí đánh giá bài giảng điện tử, đánh giá học liệu số nhằm nâng cao chất lượng của học liệu số.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức độ 3

Tiêu chí 1.7. Hạ tầng, thiết bị sử dụng chuyển đổi số dạy, học (Tối đa 20 điểm)

- Tỷ lệ phòng học có thiết bị trình chiếu, thiết bị phụ trợ sử dụng dạy-học và kết nối Internet trên tổng số phòng học. Tối đa 8 điểm. Chi tiết, tỷ lệ phòng học đáp ứng yêu cầu:

- + <20%: tối đa 2 điểm;
- + 20%-60%: tối đa 5 điểm;
- + >60%: tối đa 8 điểm.

- Mức độ đáp ứng yêu cầu dạy môn tin học. Tối đa 7 điểm.

Chi tiết:

- + Mức độ 1 nhiều hơn 2 HS/ 1 máy: tối đa 2 điểm;
- + Mức độ 2: 2 HS/ 1 máy: tối đa 5 điểm;
- + Mức độ 3: 1 HS/ 1 máy: tối đa 7 điểm.

- Có phòng studio (gồm máy tính, thiết bị phục trợ cho việc xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử). Tối đa 5 điểm.

- Đánh giá:

+ Mức độ 1: dưới 8 điểm.

+ Mức độ 2: 8 – 14 điểm.

+ Mức độ 3: trên 14 điểm.

1. Mô tả hiện trạng

Có 78% (18/23) phòng học được trang bị màn hình tivi màn hình 75 inch có đầu nối máy tính trình chiếu; Riêng phòng ngoại ngữ trang bị theo chuẩn gồm: 01 máy chiếu, 01 máy vật thể, 01 loa kéo + micro, 40 bộ trắc nghiệm phục vụ cho câu hỏi trắc nghiệm; loa treo tường, máy photo, máy in, máy ảnh, ampli, micro, loa máy..., có kết nối internet. Phòng ngoại ngữ có kế hoạch sử dụng, phiếu mượn trả theo tuần.

Các phòng bộ môn (04 phòng: Mĩ thuật, Khoa học tự nhiên, Công nghệ, Lịch sử Địa lý) còn lại không có thiết bị trình chiếu, thiết bị phụ trợ sử dụng dạy học. Có 9/18 phòng học có camera giám sát, camera confection. **[H01-07-01], [H01-07-02], [H01-07-03].**

Trường có 01 phòng học Tin học nhưng không có máy tính để đáp ứng hoạt động dạy học. **[H01-07-01].** Trường có ba tầng, có 3 đầu phát wifi nằm ở khu nhà ba tầng (2 đầu) và khu nhà hiệu bộ (1 đầu), hệ thống wifi chưa đảm bảo đường truyền đáp ứng cho hoạt động dạy và học. **[H01-07-05], [H01-07-06].**

Trường chưa xây dựng và bố trí được phòng studio (gồm máy tính, thiết bị phục trợ cho việc xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử) sử dụng trong việc đáp ứng quy trình sản xuất, xây dựng được học liệu giảng dạy, học liệu số và các file đa phương tiện phục vụ hoạt động giảng dạy của nhà trường **[H01-07-07].**

2. Điểm mạnh

Nhà trường có phòng học 17/23 phòng học được trang bị đủ thiết bị ti vi có kết nối trình chiếu sử dụng dạy phù hợp cho việc giảng dạy chính khóa, bồi dưỡng phụ đạo học sinh và tổ chức các hoạt động giáo dục khác để đảm bảo thực hiện kế hoạch giáo dục của GV và nhà trường. Có phòng tiếng Anh được trang bị đầy đủ phụ trợ sử dụng dạy học

3. Điểm yếu

Phòng học Tin học không có máy tính và thiết bị phụ trợ, nên chưa đáp ứng được việc dạy học môn tin học.

Còn 4 phòng bộ môn (KHTN, Lịch sử- địa lý, Phòng Mỹ thuật, Công nghệ) chưa có thiết bị trình chiếu.

Các phòng học kết nối mạng internet kém, chưa khai thác hiệu quả vào thực hiện các hoạt động giáo dục. (trừ phòng tiếng Anh)

Chưa xây dựng được tiêu chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn quy trình xây dựng, sử dụng phòng studio phục vụ xây dựng bài giảng số, học liệu số.

4. Kế hoạch cải tiến

Phát huy nghiệp vụ tổ công nghệ thông tin nhà trường và ban chỉ đạo chuyển đổi số của trường xây dựng quy trình kỹ thuật, tiêu chí thẩm định học liệu số, bài giảng điện tử. Từ đó đề xuất nhà trường mua sắm trang thiết bị phù hợp tránh lãng phí.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và bồi dưỡng năng lực sử dụng hệ thống thiết bị được trang bị trong hoạt động chuyển đổi số trong dạy học.

Nhà trường tiếp tục xây dựng kế hoạch và tham mưu với các cấp có thẩm quyền mua sắm trang bị máy vi tính cho phòng tin học. Ban giám hiệu nhà trường cùng với hội phụ huynh và các tổ chức địa phương làm tốt công tác xã hội hoá giáo dục để bổ sung hoàn thiện các hạng mục phụ trợ trong các phòng học bộ môn nâng cấp, trang bị mạng đảm bảo đường truyền và kết nối phục vụ công tác giảng dạy, học tập của giáo viên và học sinh. Bổ sung thêm 04 ti vi cho các phòng học bộ môn có đầu kết nối trình chiếu.

5. Tự đánh giá: Đạt mức độ 2

Kết luận về Nhóm tiêu chí chuyển đổi số trong dạy học

* Điểm mạnh:

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch dạy học trực tuyến (kết hợp với dạy học trực tiếp) lồng ghép trong kế hoạch giáo dục nhà trường, có gắn liền với kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, kế hoạch chuyển đổi số. Các kế hoạch được xây dựng các chỉ tiêu cụ thể và giải pháp phù hợp cho giáo viên, nhân viên trong nhà trường. Kết quả thực hiện và đánh giá có hiệu quả.

Nhà trường có ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến, quy chế dạy học trực tuyến đầy đủ, rõ ràng giúp giáo viên thuận tiện trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục các môn học.

Đội ngũ giáo viên, nhân viên của nhà trường luôn nhiệt tình, tận tâm. Nhà

trường có ban truyền thông chuyên phụ trách các trang web, ứng dụng, phần mềm để kịp thời hướng dẫn, giải đáp các thắc mắc cho giáo viên, nhân viên, phụ huynh và học sinh. Chú trọng bồi dưỡng đội ngũ (cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh) có kiến thức, kỹ năng đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số. Trước hết là kỹ năng sử dụng CNTT, kỹ năng an toàn thông tin, kỹ năng khai thác, sử dụng hiệu quả các ứng dụng phục vụ công việc dạy - học hàng ngày.

Triển khai phần mềm dạy học trực tuyến. Chủ động phương án dạy học trực tuyến có quản lý hoạt động của các tài khoản dạy học theo lớp phù hợp cho công tác quản lý và xây dựng hoạt động như trường học trực tuyến. Có hệ thống LMS bản quyền và quản trị được các hoạt động của hệ thống.

Các tổ chuyên môn chỉ đạo các nhóm chuyên môn thực hiện đúng các văn bản hướng dẫn của cấp trên về việc tìm nguồn học liệu đảm bảo tính phù hợp với nội dung bài học, chủ đề học tập và hoạt động dạy học của giáo viên và học sinh; bảo đảm tính khoa học, sư phạm và phù hợp với truyền thống lịch sử, văn hoá, đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc. Số lượng học liệu được số hóa, thẩm định các học liệu số giáo viên thực hiện sử dụng dạy học đảm bảo 2 lần/năm và có bộ tiêu chí thẩm định rõ ràng.

Giáo viên có tài khoản và khai thác hiệu quả hoạt động học tập, bồi dưỡng trực tuyến; có thu thập, sử dụng học liệu số trong các bài học và trình chiếu trong các bài dạy. Ngoài ra, các giáo viên của từng bộ môn đã hoàn thành tốt nhiệm vụ xây dựng hệ thống ngân hàng câu hỏi và biên soạn thành các mã đề được tổ bộ môn và ban giám hiệu thông qua. Giao các bài kiểm tra thông qua hệ thống OLM.VN để kiểm tra đánh giá học sinh.

Cơ sở vật chất nhà trường được đầu tư tương đối tốt, các lớp đều có màn hình tivi, đã có hệ thống mạng Internet để ứng dụng CNTT vào dạy học và sử dụng nguồn học liệu số có trong nhà trường đảm bảo theo hướng dẫn của Sở GDĐT về thiết bị đồ dùng dạy học và hoạt động UD CNTT trong dạy học.

Nhà trường trang bị 03 hệ thống Internet triển khai đến tất cả các phòng học và toàn bộ trong khu vực nhà trường quản lý, phục vụ tốt cho công tác quản lý, kiểm tra đánh giá. Đa số các đồng chí Cán bộ, giáo viên có trình độ chuyên môn tốt, đội ngũ giáo viên môn tin học nhiều. Trong đó: 01 đồng chí có trình độ Đại học Tin; 01 đồng chí có trình độ Cao đẳng Toán – Tin. Ngoài ra, nhà trường được sự hợp tác, hỗ trợ của hội cha mẹ học sinh, giáo viên nên học sinh có máy tính để sử dụng trong quá trình học tập và kiểm tra đánh giá.

* Điểm yếu:

Các kế hoạch còn chưa hiệu quả trong việc phân công nhiệm vụ và chưa có tiêu chí rõ ràng. Quy chế dạy học trực tuyến còn chưa cụ thể về cách thức đánh giá kết quả học tập của học sinh.

DHTT chủ yếu là giao bài tập, kiểm tra trên các phần mềm, chưa đa dạng hình thức DHTT.

Việc tìm học liệu số có giá trị ở các tổ chuyên môn chưa nhiều, chưa dành nhiều thời gian cho việc xây dựng hệ thống học liệu số trong nhà trường. Giáo viên tự xây dựng sản phẩm học liệu số sử dụng cho bài dạy chưa cao.

Phòng tin học hiện chưa được trang bị hệ thống máy tính và thiết bị phụ trợ nên chưa đáp ứng được việc dạy học môn tin học; phải có sự hỗ trợ từ giáo viên và phụ huynh. Một số trang thiết bị đã cũ bắt đầu xuống cấp, lỗi thời và không đồng bộ nên việc quản lý phòng bộ môn gặp nhiều khó khăn. Mỗi lớp tham gia kiểm tra, đánh giá gồm 40- 57 học sinh, số lượng học sinh nhiều mà số lượng máy tính không có nên việc tổ chức kiểm tra đánh giá còn gặp nhiều khó khăn. Còn 4 phòng bộ môn (KHTN, Lịch sử- địa lý, Phòng Mỹ thuật, Công nghệ) chưa có thiết bị trình chiếu. Các phòng học kết nối mạng internet kém, chưa khai thác hiệu quả vào thực hiện các hoạt động giáo dục (trừ phòng tiếng Anh).

Đánh giá chung: Đạt mức độ 2

2. Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở

Mở đầu:

Chuyển đổi số là bước chuyển mình mạnh mẽ, đòi hỏi sự thay đổi từ trong tư duy, nhận thức của mỗi người. Do vậy, cần thực hiện các biện pháp nhằm nâng cao nhận thức, phổ cập tầm quan trọng cho giáo viên, giảng viên, cán bộ nhà trường. Từ đó mới phối hợp cùng nhau xây dựng văn hóa số trong giáo dục. Tiến hành hướng dẫn, nâng cao kỹ năng nghiệp vụ trong ứng dụng công nghệ số cho tất cả những người làm công tác giảng dạy, như kỹ năng công nghệ thông tin, an toàn thông tin,... trên môi trường số. Giáo viên đóng vai trò quan trọng trong thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục bằng cách áp dụng công nghệ số trong phương pháp giảng dạy, giúp mở ra nhiều cơ hội để tăng cường chất lượng giáo dục và giúp học sinh phát triển toàn diện trong thế giới số hóa ngày càng phát triển.

Cải thiện cơ sở dữ liệu: Việc chú trọng vào triển khai quản lý hệ thống, chia sẻ dữ liệu để đồng bộ trong giáo dục, chuyển đổi tất cả tài liệu từ giấy tờ qua văn bản điện tử. Hoàn thiện cơ sở hạ tầng mạng, các thiết bị phục vụ quá trình dạy và học, tạo cơ hội học tập bình đẳng cho tất cả mọi người, ở mọi vùng miền có điều kiện kinh tế - xã hội số khác nhau.

Các hoạt động như thúc đẩy triển khai học liệu số, hình thành kho học liệu mở dùng chung cho toàn ngành, đồng thời hợp tác, liên kết với các tổ chức trên thế giới, thu hẹp khoảng cách giữa các vùng miền, khuyến khích và hỗ trợ triển khai các mô hình giáo dục đào tạo mới dựa trên các nền tảng số.

Xây dựng hạ tầng mạng và các thiết bị công nghệ tiên tiến: Hạ tầng mạng và các trang thiết bị phải được cải tiến, đổi mới khi chuyển đổi số trong giáo dục, đặc biệt là những nơi có kết nối kém. Tăng cường kết hợp với các công nghệ hiện đại trên thế giới như AI, Big data, IoT, Blockchain,... với cơ sở dữ liệu số để xây dựng hệ thống thu thập thông tin, đưa ra dự báo và thiết lập ứng dụng, dịch vụ phù hợp đến từng đối tượng người học.

Hoàn thiện hệ thống pháp lý, ứng dụng phần mềm quản lý: Việc hoàn thiện hệ thống pháp lý, chính sách sẽ đảm bảo quyền lợi cho người học. Theo đó, cần thống nhất các quy định liên quan đến: Khai thác, chia sẻ dữ liệu, thông tin; Hình thức giảng dạy; Quản lý các khóa học trực tuyến; Điều kiện cần và đủ để mở trường học.

Quá trình chuyển đổi số trong giáo dục cần áp dụng các phần mềm quản lý, đây cũng là hình thức được nhiều trường học, cơ sở áp dụng. Bên cạnh đó, các phần mềm tích hợp tính năng vượt trội cũng giúp nhà trường tăng cường nghiệp vụ, quản lý hồ sơ, giảng dạy với các thao tác linh hoạt, nhanh chóng. Việc phát triển các khóa học trực tuyến cũng góp phần rất lớn trong công tác phục vụ giáo viên dạy học tại vùng sâu, vùng xa, những nơi có hoàn cảnh khó khăn và địa hình hiểm trở, thời tiết xấu, cơ sở vật chất nhà trường chưa hoàn thiện,...

Sử dụng nền tảng học liệu số trong giáo dục: iGiaoduc.vn là một nền tảng giáo dục số trực tuyến được phát triển bởi Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT), Ban điều hành Đề án Hệ tri thức Việt số hóa và các đối tác tài trợ, hỗ trợ. Nền tảng này được xây dựng nhằm mục tiêu thu thập, lựa chọn, chia sẻ học liệu số dùng chung phục vụ đổi mới nội dung, phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá trong các nhà trường. iGiaoduc.vn là một kho học liệu số khổng lồ với hơn 100.000 học liệu số thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau, bao gồm: Sách giáo khoa; Bài giảng; Bài tập; Kiểm tra, đánh giá; Trò chơi học tập; Video bài giảng; E-learning.

Tiêu chí 2.1: Thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số

Cơ sở giáo dục thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số. Điều kiện bắt buộc.

1. Mô tả hiện trạng

Sau khi ban hành kế hoạch chuyển đổi số năm học, căn cứ nhiệm vụ được phân công, nhà trường đã kịp thời ra Quyết định thành lập bộ phận chỉ đạo, phân công

nhiệm vụ phụ trách, triển khai. Ban chỉ đạo có đủ thành phần, rõ họ tên, chức vụ, email, điện thoại và phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng, rõ trách nhiệm. [H8-2.1-01]

Nhà trường có phân công lãnh đạo phụ trách, rõ nội dung của cán bộ quản lý. [H8-2.1-02]

2. Điểm mạnh

Triển khai kịp thời và đầy đủ các văn bản triển khai chỉ đạo, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số.

3. Điểm yếu

Hoạt động bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ chưa đảm bảo môi trường giúp CB-GV-NV thực hiện tốt, nâng cao nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu.

4. Kế hoạch cải tiến

Ban chỉ đạo chuyển đổi số cần tham mưu nhà trường đưa vào các quy chế chuyên môn, nội dung tiêu chí đánh giá BDTX của CBQL-GV các nội dung về chuyển đổi số và kỹ năng cơ bản được tập huấn, hướng dẫn trong đơn vị.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 2.2. Ban hành kế hoạch ứng dụng thông tin, chuyển đổi số.

1. Mô tả hiện trạng

Trường ban hành Kế hoạch triển khai hoạt động chuyển đổi số từ năm học 2022-2023. Nội dung kế hoạch có các nội dung chính: Mục tiêu tổng quát, mục tiêu năm học 2023-2024, mục tiêu đến năm 2025. Nêu ra nhiệm vụ và các giải pháp thực hiện. Tổ chức thực hiện đối với CBQL, TTCM cũng như toàn thể giáo viên. [H9 - 2.2 - 01]

2. Điểm mạnh

Trường ban hành kịp thời kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, nội dung kế hoạch đầy đủ phù hợp cho tổ chức triển khai thực hiện tại các tổ, nhóm chuyên môn và đối với giáo viên.

3. Điểm yếu

Một số nội dung chưa đủ điều kiện triển khai do còn thiếu điều kiện công nghệ thực hiện.

4. Kế hoạch cải tiến

Ban chỉ đạo thực hiện tham mưu đầy đủ các nội dung, phù hợp hiện trạng nhà trường để có các văn bản chỉ đạo điều hành hiệu quả, thực tế.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 2.3: Có triển khai phần mềm quản trị nhà trường (Tối đa 70 điểm)

Có triển khai phần mềm quản trị nhà trường:

- Có ban hành quy chế sử dụng hệ thống quản trị nhà trường. Tối đa 8 điểm.
- Có triển khai phân hệ quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập). Tối đa 8 điểm.
- Có triển khai sổ điểm điện tử, học bạ điện tử. Tối đa 10 điểm. Nếu chỉ cung cấp thông tin file PDF: tối đa 3 điểm; Áp dụng chứng thư số: tối đa 10 điểm (cho phép dùng chứng thư số trong việc xác thực, ký trực tiếp trên phần mềm quản lý, xác thực được thông tin chữ ký, chứng thư số trên hồ sơ điện tử).
- Có triển khai phân hệ quản lý đội ngũ CBVCNV. Tối đa 8 điểm.
- Có triển khai phân hệ quản lý cơ sở vật chất. Tối đa 10 điểm.
- Có triển khai phân hệ quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh. Tối đa 10 điểm.
- Có triển khai phân hệ quản lý kế toán. Tối đa 8 điểm.
- Phần mềm kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với CSDL ngành (do Bộ quản lý). Tối đa 8 điểm.

1. Mô tả hiện trạng

Trường có ban hành quy chế sử dụng hệ thống quản trị nhà trường [H10 - 2.3 - 01]; triển khai phân hệ quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập), sổ điểm điện tử, học bạ điện tử tại địa chỉ <http://qlth.quangninh.edu.vn>. Thực hiện kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu từ hệ thống qlth.quangninh.edu.vn sang Cơ sở dữ liệu ngành (do Bộ quản lý) <https://csdl.moet.gov.vn>. Triển khai phân hệ quản lý đội ngũ CBVCNV trên webste <https://ccvc.quangninh.gov.vn>; phân hệ quản lý cơ sở vật chất tại địa chỉ <https://qltsapp.misa.vn/settlement> và có triển khai phân hệ quản lý kế toán MISA [H10 - 2.3 - 02], [H10 - 2.3 - 03].

Trường chưa triển khai thực hiện ứng dụng chứng thư số trong quản lý hồ sơ trường. Năm học 2024-2025 thực hiện cấp và sử dụng chữ ký số cho 100% CBQL, GV, NV nhà trường. Chưa, phân hệ quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh.

2. Điểm mạnh

Cơ bản đã thực hiện các yêu cầu về hệ thống quản trị trường; phân hệ quản lý

cán bộ công chức và hồ sơ học sinh.

3. Điểm yếu

Chưa triển khai thực hiện chứng thư số, phân hệ quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến

Năm học 2024-2025 hoàn thiện việc báo cáo Phòng GDĐT và UBND thành phố hỗ trợ cấp chữ ký số cho CBQL-GV-NV triển khai sử dụng trong lập hồ sơ chuyên môn.

Hướng dẫn nhân viên y tế học đường sử dụng quản lý thông tin y tế, sức khỏe học sinh trên <http://qlth.quangninh.edu.vn>.

5. Tự đánh giá: Đạt mức độ 3

Tiêu chí 2.4. Mức độ triển khai dịch vụ trực tuyến

Mức độ 1:- Có triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường (thông tin: Qua ứng dụng OTT (Over The Top) hoặc qua ứng dụng web).

- Có văn bản ban hành qui chế, hướng dẫn sử dụng hệ thống quản trị nhà trường triển khai, ứng dụng.

Mức độ 2: Có triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến. Phần mềm hỗ trợ hoàn toàn cho gia đình học sinh nộp hồ sơ vào trường học. Hỗ trợ nhà trường trong quá trình tuyển sinh, xác thực thông tin học sinh.

Mức độ 3: Có triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt. Đánh giá theo số lượng dịch vụ thực hiện thu phí giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt (tỉ lệ dịch vụ, tỉ lệ tiền thanh toán không dùng tiền mặt, các ứng dụng và quy trình ứng dụng hình thức không dùng tiền mặt, ...).

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức độ 1

- Nhà trường có ban hành hướng dẫn sử dụng hệ thống quản trị và triển khai các phần mềm, ứng dụng... bằng văn bản trực tiếp hoặc online [**H11 - 2.4 - 01**].

- Nhà trường có tài khoản facebook công khai để kết nối, tương tác với gia đình học sinh, học sinh. [**H11 - 2.4 - 02**].

- Nhà trường có địa chỉ website chính thức đăng tải các hoạt động của nhà trường giúp gia đình học sinh nắm được các hoạt động của nhà trường [**H11 - 2.4 - 04**].

- Ngoài ra mỗi một lớp học trong nhà trường đều có nhóm zalo riêng để gia đình học sinh dễ dàng trao đổi trực tiếp với giáo viên chủ nhiệm để kịp thời thông tin về nhà trường [H11 - 2.4 - 02].

1.2. Mức độ 2

- Nhà trường có triển khai văn bản hướng dẫn sử dụng phần mềm tuyển sinh đầu cấp rộng rãi đến giáo viên, gia đình học sinh để giáo viên và học sinh nắm được cách sử dụng, qui trình thực hiện [H11 - 2.4 - 03] [H11 - 2.4 - 05].

- Phần mềm tuyển sinh đầu cấp của nhà trường hỗ trợ hoàn toàn cho phụ huynh học sinh đăng kí tuyển sinh cho con trực tuyến [H11 - 2.4 - 04].

1.3. Mức độ 3

- Nhà trường có triển khai sử dụng dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt. Thu học phí qua ngân hàng thông qua phần mềm MISA [H11 - 2.4 - 04].

2. Điểm mạnh

- Hầu hết các ứng dụng, phần mềm của nhà trường đều đã hoàn thiện.

- Mỗi một ứng dụng, phần mềm nhà trường đều ban hành các văn bản hướng dẫn để phụ huynh học sinh, học sinh nắm bắt được cách sử dụng.

- Nhà trường có ban truyền thông chuyên phụ trách các trang web, ứng dụng của nhà trường kịp thời hướng dẫn, giải đáp các thắc mắc cho gia đình học sinh.

- Đội ngũ giáo viên, nhân viên của nhà trường luôn nhiệt tình, tận tâm.

3. Điểm yếu

- Một số giáo viên, nhân viên nhà trường còn chưa nắm bắt được các qui trình sử dụng phần mềm dẫn đến khó khăn trong việc giải đáp thắc mắc, hướng dẫn cho gia đình học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến

- Nhà trường tiếp tục hoàn thiện hơn các phần mềm ứng dụng nhà trường đang dùng và triển khai thêm các ứng dụng khác nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, đồng thời tạo kết nối chặt chẽ hơn giữa gia đình và nhà trường.

- Bồi dưỡng cho 100% các cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường sử dụng thành thạo các phần mềm, ứng dụng của nhà trường

5. Tự đánh giá: Đạt mức độ 3

Kết luận về nhóm tiêu chí Chuyển đổi số trong quản trị giáo dục

Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục là xu hướng tất yếu và cần thiết trong thời đại công nghệ số hiện nay. Nắm bắt được yêu cầu đó, nhà trường đã triển khai kịp thời và đầy đủ các văn bản chỉ đạo của các cấp, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số; ban hành kịp thời kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, nội dung kế hoạch đầy đủ phù hợp cho tổ chức triển khai thực hiện tại các tổ, nhóm chuyên môn và đối với giáo viên.

Về cơ bản, nhà trường đã thực hiện các yêu cầu về hệ thống quản trị trường; phân hệ quản lý cán bộ công chức và hồ sơ học sinh. Hầu hết các ứng dụng, phần mềm của nhà trường đến nay đều đã hoàn thiện. Với đội ngũ giáo viên, nhân viên của nhà trường luôn nhiệt tình, tận tâm, mỗi một ứng dụng, phần mềm nhà trường đều ban hành các văn bản hướng dẫn để phụ huynh học sinh, học sinh nắm bắt được cách sử dụng. Bên cạnh đó, nhà trường có ban truyền thông chuyên phụ trách các trang web, ứng dụng của nhà trường kịp thời hướng dẫn, giải đáp các thắc mắc cho gia đình học sinh.

Tuy nhiên, cùng với những điểm mạnh nói trên còn một số những tồn tại của nhà trường là: Hoạt động bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ chưa đảm bảo môi trường giúp CB-GV-NV thực hiện tốt, nâng cao nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu. Một số nội dung chưa đủ điều kiện triển khai do còn thiếu điều kiện công nghệ thực hiện. Nhà trường chưa triển khai thực hiện chứng thư số, phân hệ quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh. Một số giáo viên, nhân viên nhà trường còn chưa nắm bắt được các quy trình sử dụng phần mềm dẫn đến khó khăn trong việc giải đáp thắc mắc, hướng dẫn cho gia đình học sinh.

- Kết luận: Đạt mức 3

Phần III. KẾT LUẬN CHUNG

- Kết quả Tự đánh giá mức độ chuyển đổi số

Số tiêu chí đạt (trong các Tiêu chí 1.1; 1.2; 2.1; 2.2): 04 (100%)

Số tiêu chí chưa đạt (trong các Tiêu chí 1.1; 1.2; 2.1; 2.2): 0 (0%)

Số tiêu chí Mức độ 1: 0 (0%)

Số tiêu chí Mức độ 2: 02 (28,9%)

Số tiêu chí Mức độ 3: 05 (71,1%)

- Mức đánh giá của cơ sở giáo dục: Mức đáp ứng cơ bản - Mức độ 2.

- Cơ sở giáo dục đề nghị đạt mức độ chuyển đổi số: Mức đáp ứng cơ bản - Mức độ 2.
- Các kết luận khác (nếu có).

Uông Bí, ngày 28 tháng 5 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Lê Thị Thuý

Phần IV. PHỤ LỤC

BẢNG MÃ CÁC MINH CHỨNG CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM HỌC 2023-2024

Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Tên minh chứng	Mã MC	Mã dẫn
Tiêu chuẩn 1	Tiêu chí 1.1	Kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến	[H1 - 1.1 - 01]	
Tiêu chuẩn 1	Tiêu chí 1.1	Kế hoạch giáo dục của nhà trường có nội dung tổ chức dạy học trực tuyến hoặc dạy học trực tiếp kết hợp dạy học trực tuyến	[H1 - 1.1 - 02]	
Tiêu chuẩn 1	Tiêu chí 1.1	Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số, thống kê giáo dục có nội dung tổ chức dạy học trực tuyến	[H1 - 1.1 - 03]	
Tiêu chuẩn 1	Tiêu chí 1.2	Quy chế dạy học trực tuyến	[H2 - 1.2 - 01]	
Tiêu chuẩn 1	Tiêu chí 1.3	Danh sách tên phần mềm dạy học trực tuyến và đường link dạy học trực tuyến	[H3 - 1.3 - 01]	
Tiêu chuẩn 1	Tiêu chí 1.3	Danh sách phần mềm quản lý học tập trực tuyến và đường link giao bài tập	[H3 - 1.3 - 02]	
Tiêu chuẩn 1	Tiêu chí 1.4	Biên bản thẩm định học liệu số của TCM	[H4 - 1.4 - 01]	
Tiêu chuẩn 1	Tiêu chí 1.4	Văn bản phê duyệt học liệu trực tuyến của người đứng đầu cơ sở giáo dục	[H4 - 1.4 - 02]	
Tiêu chuẩn 1	Tiêu chí 1.4	Danh mục học liệu số được phê duyệt, đường link của học liệu được sử dụng trong dạy học	[H4 - 1.4 - 03]	
Tiêu chuẩn 1	Tiêu chí 1.4	PPCT-PL1 các môn học	[H4 - 1.4 - 04]	
Tiêu chuẩn 1	Tiêu chí 1.5	Quy chế/Kế hoạch/văn bản triển khai khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính.	[H5 - 1.5 - 01]	
Tiêu chuẩn 1	Tiêu chí 1.5	Hồ sơ dữ liệu thực tế trên hệ thống phần mềm khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính	[H5 - 1.5 - 02]	
Tiêu chuẩn 1	Tiêu chí 1.6	Tài khoản trên Hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến https://temis.csdl.edu.vn/temis	[H6 - 1.6 - 01]	
Tiêu chuẩn 1	Tiêu chí 1.6	Kết quả bồi dưỡng của giáo viên trên https://temis.csdl.edu.vn/temis	[H6 - 1.6 - 02]	
Tiêu chuẩn 1	Tiêu chí 1.6	Văn bản công nhận của thủ trưởng đơn vị về mức độ áp dụng được các phần mềm, công cụ, đồ dung dạy học nhằm đổi mới phương pháp dạy học.	[H6 - 1.6 - 03]	

Tiêu chuẩn 1	Tiêu chí 1.6	Danh sách học liệu số, bài giảng điện tử được xây dựng của giáo viên được sử dụng phục vụ hoạt động dạy và học, được sử dụng trên hệ thống LMS/LCMS	[H6 - 1.6 - 04]	
Tiêu chuẩn 1	Tiêu chí 1.7	Hình ảnh trực quan của phòng học, hạ tầng đáp ứng chuyển đổi số (Video, ảnh các thiết bị được sử dụng đáp ứng chuyển đổi số)	[H7 - 1.7 - 01]	
Tiêu chuẩn 1	Tiêu chí 1.7	Kế hoạch của đơn vị thể hiện việc khai thác, sử dụng cho các hoạt động giáo dục của nhà trường	[H7 - 1.7 - 02]	
Tiêu chuẩn 1	Tiêu chí 1.7	Hồ sơ quản lý, sử dụng thiết bị, đồ dùng dạy học thực hiện quá trình chuyển đổi số (Sổ theo dõi, mượn trả thiết bị, đồ dùng của giáo viên, tổ chuyên môn.)	[H7 - 1.7 - 03]	
Tiêu chuẩn 1	Tiêu chí 1.7	Hóa đơn tiền internet, sơ đồ mạng LAN, mạng internet, thiết bị kết nối không dây, ...	[H7 - 1.7 - 04]	
Tiêu chuẩn 1	Tiêu chí 1.7	Sơ đồ mạng internet của đơn vị, hình thức triển khai hạ tầng mạng, các thông số mạng (download, upload,...),...	[H7 - 1.7 - 05]	
Tiêu chuẩn 1	Tiêu chí 1.7	Có phòng studio (Gồm máy tính, thiết bị phụ trợ cho việc xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử). Minh chứng thể hiện việc sử dụng phòng studio phục vụ hoạt động giảng dạy.	[H7 - 1.7 - 06]	
Tiêu chuẩn 1	Tiêu chí 1.7	Hồ sơ cấp độ an toàn thông tin mạng	[H7 - 1.7 - 07]	
Tiêu chuẩn 2	Tiêu chí 2.1	Quyết định thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai. Danh sách gồm thông tin: Họ tên, chức vụ, email, điện thoại và phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng, rõ trách nhiệm.	[H8 - 2.1 - 01]	
Tiêu chuẩn 2	Tiêu chí 2.1	Phân công lãnh đạo phụ trách, rõ nội dung của cán bộ quản lý (Theo Công văn số 295/SGDĐT-GDTrH ngày 31/01/2019)	[H8 - 2.1 - 02]	
Tiêu chuẩn 2	Tiêu chí 2.2	Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ UD CNTT và chuyển đổi số.	[H9 - 2.2 - 01]	
Tiêu chuẩn 2	Tiêu chí 2.3	Văn bản ban hành quy chế sử dụng hệ thống và Ban quản trị nhà trường ;	[H10 - 2.3 - 01]	
Tiêu chuẩn 2	Tiêu chí 2.3	Văn bản triển khai hướng dẫn sử dụng hệ thống phần mềm quản trị nhà trường, có các phân hệ chức năng quản trị.	[H10 - 2.3 - 02]	
Tiêu chuẩn 2	Tiêu chí 2.3	Đường link truy cập phần mềm quản lý, hình ảnh chụp màn hình phần mềm quản trị nhà trường.	[H10 - 2.3 - 03]	
Tiêu chuẩn 2	Tiêu chí 2.4	Văn bản hướng dẫn	[H11 - 2.4 - 01]	
Tiêu chuẩn 2	Tiêu chí 2.4	Tài khoản facebook công khai để kết nối, tương tác với gia đình học sinh, học sinh.	[H11 - 2.4 - 02]	
Tiêu chuẩn 2	Tiêu chí 2.4	Tuyển sinh đầu cấp	[H11 - 2.4 - 03]	
Tiêu chuẩn 2	Tiêu chí 2.4	Thu phí k tiền mặt	[H11 - 2.4 - 04]	
Tiêu chuẩn 2	Tiêu chí 2.4	Văn bản hướng dẫn sử dụng phần mềm tuyển sinh đầu cấp	[H11 - 2.4 - 05]	

